

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/Thơ 4 chữ, 5 chữ	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.	0	1	0	1	0	1	0	1	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ Thơ (thơ 4 chữ, thơ 5 chữ)	<p>* Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản; ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể; tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tố sự, miêu tả được sử dụng trong thơ. - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng) - Xác định được nghĩa của từ. <p>* Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện; nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản; hiểu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu và cách kể; phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, một số yếu tố Hán Việt; công dụng của dấu chấm lửng... 	4 TN	4TN	2TL	

			<p>* Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. 				
2	Viết	Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học</p> <p>Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức</p> <p>Vận dụng: Viết được bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích.</p> <p>Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.</p>				1TL
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
<i>Tỉ lệ %</i>				<i>25</i>	<i>35</i>	<i>30</i>	<i>10</i>
Tỉ lệ chung				60		40	

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian soát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TRĂNG OI... TỪ ĐÂU ĐẾN?

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ cánh rừng xa
Trăng hồng như quả chín
Lửng lơ lên trước nhà

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ một sân chơi
Trăng bay như quả bóng
Bạn nào đá lên trời

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ đường hành quân
Trăng soi chú bộ đội
Và soi vàng góc sân

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay biển xanh diệu kì
Trăng tròn như mắt cá
Chẳng bao giờ chớp mi

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ lời mẹ ru
Thương Cuội không được học
Hú gọi trâu đến giờ

Trăng ơi... từ đâu đến?
Trăng đi khắp mọi miền
Trăng ơi có nơi nào
Sáng hơn đất nước em...

(Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hóa dân tộc)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do. B. Lục bát.
C. Bốn chữ. D. Năm chữ.

Câu 2. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

- A. Gieo vần lưng. B. Gieo vần chân.
C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. D. Gieo vần linh hoạt.

Câu 3. Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

- A. Quả chín. B. Mắt cá.
C. Quả bóng. D. Cánh rừng xa.

Câu 4. Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép. B. Từ láy.
C. Từ đồng nghĩa. D. Từ trái nghĩa.

Câu 5. Hình ảnh vầng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng...) cho em biết vầng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

- A. Bà nội. B. Người mẹ.
C. Cô giáo. D. Trẻ thơ.

Câu 6. Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

- A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.
B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.
C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.
D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

Câu 7. Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” có công dụng gì ?

- A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.
B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.
C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.
D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

Câu 8. Ý nghĩa của bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” là gì ?

- A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.
B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.

C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.

D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

Câu 9. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Trăng ơi có nơi nào. Sáng hơn đất nước em...”?

Câu 10. Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương yêu, đất nước (trong đoạn văn 3 đến 5 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật thuyền trưởng Nê-mô trong đoạn trích « Bạch tuộc » (trích tiểu thuyết « Hai vạn dặm dưới đáy biển ») của Giuyn Véc-nơ.

- Hết -

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7 (2023-2024)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình.	1,0
10	HS nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ. Yêu cầu - Đảm bảo thể thức yêu cầu: Đoạn văn 3 đến 5 câu - Đảm bảo nội dung theo yêu cầu: tình cảm của em với quê hương yêu, đất nước.	1,0 0,25 0,75	
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.</i>	0.25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề</i> Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích.	0.25
	c. <i>Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích</i> Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: Giới thiệu thuyền trưởng Nê-mô * Thân bài: - Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật hoặc sự việc: Cảm phục, ngưỡng mộ thuyền trưởng Nê-mô; cảm nghĩ về Giáo sư A-rô-nác, nhân vật xưng “tôi” trong truyện hoặc cảm xúc về trận chiến với bạch tuộc. - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người hoặc sự việc: + Nê-mô là một người dũng cảm, gan dạ. + Nê-mô là người giàu tình cảm. + Sự việc chiến đấu với đàn bạch tuộc khổng lồ là một cuộc chiến đấu căng thẳng, nguy hiểm và dữ dội – Nêu cảm xúc và ấn tượng chung về nhân vật: ngưỡng mộ thuyền trưởng Nê-mô.	3.0	

	– Rút ra bài học từ nhân vật. * Kết bài: Khẳng định ấn tượng, cảm xúc của em về thuyền trưởng Nê-mô	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,25

Hết

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/thơ (năm chữ)	4	0	4		0	2	0		60
2	Viết	Phân tích đặc điểm nhân vật	0	1	0	1	0	1	0	1	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			25		35		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ thơ (năm chữ)	<p>* Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản; ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể; tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tố sự, miêu tả được sử dụng trong thơ. - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng) - Xác định được nghĩa của từ. <p>* Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện; nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản; hiểu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu và cách kể; phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, một số yếu tố Hán Việt; công dụng của dấu chấm lửng... <p>* Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. 	4TN	4TN	2TL	

			<p>- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.</p> <p>- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.</p>				
2	Viết	Phân tích đặc điểm nhân vật	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về văn nghị luận.</p> <p>Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)</p> <p>Vận dụng: Viết được bài văn Nghị luận về con người. Bố cục rõ ràng, mạch lạc ; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện cảm xúc của bản thân</p> <p>Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để bày tỏ tình cảm, cảm xúc về người mà mình phân tích.</p>				1TL*
Tổng				4TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung (%)				60		40	

PHÒNG GD&ĐT MỎ CÀY BẮC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BÁNH

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ*

Trên hàng cây đứng tuổi.

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

Câu 1: Bài thơ trên sử dụng thể thơ nào?

- A. Bốn chữ
- B. Năm chữ
- C. Tự do
- D. Tám chữ

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ trên.

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 3: Sự biến đổi của đất trời lúc sang thu được nhà thơ cảm nhận lần đầu tiên từ đâu?

- A. Từ một mùi hương
- B. Từ một cơn mưa
- C. Từ một đám mây
- D. Từ một cánh chim

Câu 4: Hai câu thơ “Sương chùng chình qua ngõ - Hình như thu đã về” sử dụng phép tu từ nào?

- A. Nhân hóa
- B. Ẩn dụ
- C. Hoán dụ
- D. Điệp từ

Câu 5: Từ “chùng chình” được hiểu thế nào?

- A. Đi rất chậm, dò từng bước một
- B. Đi rất nhanh, vừa đi vừa nghiêng ngả
- C. Ngập ngừng như không muốn đi
- D. Ẩn giấu nhiều điều không muốn nói

Câu 6: Ý nào nói đúng cảm xúc của tác giả trong bài thơ Sang thu?

- A. Hồn nhiên, tươi trẻ
- B. Lãng mạn, thanh thoát
- C. Mới mẻ, tinh tế
- D. Mộc mạc, chân thành

Câu 7: Trong bài thơ trên, hình ảnh thiên nhiên vào thời điểm giao mùa hạ- thu có đặc điểm gì?

- A. Sôi động, náo nhiệt
- B. Bình lặng, ngưng đọng
- C. Xôn xao, rộn rang
- D. Nhẹ nhàng, giao cảm

Câu 8: Ý nào sau đây nêu được nét đặc sắc nhất về nghệ thuật của bài thơ trên?

- A. Sử dụng câu ngắn gọn, chính xác

- B. Sáng tạo những hình ảnh giàu ý nghĩa, triết lý
- C. Sáng tạo những hình ảnh quen thuộc mà vẫn mới mẻ, gợi cảm
- D. Sử dụng đa dạng, phong phú phép so sánh, ẩn dụ

Câu 9: Có ý người cho rằng hình ảnh “sấm” và “hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 10: Bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh là bức thông điệp lúc giao mùa, em hãy trình bày mạch cảm xúc của bài thơ.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của nhà văn Đoàn giời.

----- Hết -----

PHÒNG GD&ĐT MỎ CÀY BẮC TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BÁNH

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Sấm và hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ, chứa đựng suy nghĩ và triết lý về con người và cuộc đời.	0,25
		- Hình ảnh ẩn dụ “sấm”:	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> • Nghĩa thực: hiện tượng tự nhiên của thời tiết. -> Hình ảnh thực của tự nhiên sang thu sấm thưa thớt, không còn dữ dội làm lay động hàng cây nữa. • Nghĩa ẩn dụ: Những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời 	
		- Hình ảnh ẩn dụ “Hàng cây đứng tuổi”	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> • Nghĩa thực: hình ảnh tả thực của tự nhiên về những cây cổ thụ lâu năm. • Nghĩa ẩn dụ: thế hệ những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời. 	

		=> Cả hai câu thơ: “ <i>Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi</i> ” : Nói về hình ảnh con người trải qua biến cố thử thách sẽ có kinh nghiệm, trở nên hiểu mình, hiểu người và hiểu đời hơn.	0,25
	10	Mạch cảm xúc của bài thơ: <i>Sang thu</i> là bức thông điệp lúc giao mùa, mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, những trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với nội dung độc đáo nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và suy ngẫm về đời người khi sang thu.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo bố cục bài văn phân tích đặc điểm nhân vật gồm 3 phần: MB, TB, KB.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Phân tích đặc điểm nhân vật.	0,25
		c. Trình bày cảm xúc của em về người mẹ kính yêu của mình	3,0
		1. Mở bài: Giới thiệu khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là nhân vật trong tác phẩm nào, của ai? Nhân vật ấy là người như thế nào?...)	0,5
		2. Thân bài: - Phân tích và làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện: + Lai lịch: “Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu” + Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm, và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại sắc như dao... + Lời truyền tụng: Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ kêu trời một tiếng, cười nhạt rồi bỏ làng vào rừng sinh sống;... + Hành động và việc làm... - Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: trình bày những suy nghĩ, cảm xúc,... của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng	2,0
	3. Kết bài: - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng - Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó, rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay.	0,5	
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25	
	e. <i>Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh thơ giàu sắc thái biểu cảm.	0,25	

Hết